

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KHOÁI CHÂU  
TỈNH HUNG YÊN**

Bản án số: 04/2020/HSST

Ngày: 17/01/2020

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU  
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

***Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thẩm phán.

***Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Đức Tuấn và bà Đặng Thị Thêm.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Chung – Kiểm sát viên.

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Thư ký Tòa án.

Hôm nay, ngày 17/01/2020, tại Trụ sở TAND huyện Khoái Châu mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 116/2019/HSST, ngày 26 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo: **Tạ Văn P**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 07/10; Nghề nghiệp: làm ruộng; Con ông: Tạ Văn B, Sinh năm 1935 và bà Nguyễn Thị C, (Đã chết); Bị cáo là con duy nhất; Vợ: Tạ Thị D, sinh năm 1973 (Đã ly hôn); Con: có 02 con, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1996.

- Nhân thân: Bản án số 49 ngày 02/8/2011 P bị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử phạt 6 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Đã chấp hành xong bản án)

- Bản án số 54 ngày 08/9/2014 P bị Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xử phạt 3 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2017).

Tạ Văn P bị bắt, tạm giữ ngày 24/9/2019. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên (Có mặt tại phiên tòa).

***\*/ Người bị hại:*** Anh Đàm Văn H, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn 8, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt tại phiên tòa).

***\*/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1971;

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974;

Trú tại: Thôn L, xã Q huyện H, tỉnh Hưng Yên.

(Điều vắng mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 19/9/2019, Tạ Văn P đi bộ một mình trên đường thôn A, xã Đ mục đích xem có nhà ai sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản. Khi P đi qua nhà của chị Nguyễn Thị E sinh năm 1971 ở cùng thôn, P quan sát thấy cửa cổng nhà chị E làm bằng gỗ màu nâu được khóa bằng một chiếc khóa dây, vỏ nhựa đã cũ (chị E đã cho anh Đàm Văn H sinh năm 1983 ở thôn 8, xã X, huyện V thuê nhà để làm công trình ở khu vực gần đó nên có để tài sản và vật dụng tại nhà ở của chị E). P nhìn qua khe cổng và quan sát thấy trong sân có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen đỏ, biển số: 89K1- 047.14, 01 chiếc xe ba gác loại xe kéo thô sơ, một chiếc máy xới đất và 02 chiếc xe rửa một bánh để ở ngoài sân sát thềm nhà bên trái theo hướng từ ngoài vào trong. P quay về nhà mình cách đó khoảng 200m lấy 01 chiếc kìm bằng kim loại có chuôi màu đen - cam (loại kìm cầm tay) rồi quay lại. Khi đến cổng, quan sát không có người nên P cầm kìm bằng hai tay dùng lực cắt đứt chiếc khóa dây ở cổng. P dùng tay đẩy cánh cổng mở ra rồi đi vào trong sân. P dắt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda RSX màu đen – đỏ biển số 89K1- 047.14 về nhà mình và giấu vào trong gian buồng tắm, nơi P ở một mình. Sau đó P tiếp tục quay lại khu nhà anh H thuê và dùng hai tay bê chiếc máy xới đất, hai chiếc xe rửa và một cuộn dây thép gai đặt lên trên chiếc xe ba gác kéo về nhà chị Nguyễn Thị N sinh năm 1974 ở thôn L, xã Q, huyện K để bán cho chị N với giá 1.300.000đồng. Sau khi bán tài sản P cầm tiền đi mua ma túy của một người đàn ông không rõ tên, địa chỉ ở khu vực đường 39A, thuộc thôn A, xã Đ sau đó sử dụng, số tiền còn lại P đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 20/9/2019 anh Đàm Văn H phát hiện mất số tài sản trên nên đã có đơn trình báo với Công an huyện K và Công an xã Đ.

Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành khám nghiệm hiện trường xác minh thu thập quản lý đồ vật gồm: 01 chiếc xe mô tô Honda Wave RSX màu đen đỏ biển số 89K1-047.14, 02 chiếc kìm, một chiếc có chuôi tay cầm bằng cao su màu đen - cam, một chiếc chuôi tay cầm bằng kim loại do Tạ Văn P giao nộp; quản lý 01 khóa dây đã bị cắt đứt, 02 giấy đăng ký xe mang tên Phan Thị X (là bản phô tô) do anh Đàm Văn H giao nộp; quản lý 01 xe ba gác cải tiến hai bánh lốp có khung và thành xe bằng kim loại đã qua sử dụng, 02 xe rửa loại một bánh lốp, có khung và thùng xe bằng kim loại đã qua sử dụng, 01 cuộn dây kim loại đã qua sử dụng có tổng trọng lượng là 12kg, 01 máy xới đất đã qua sử dụng nhãn hiệu Yanmar do chị Nguyễn Thị N giao nộp.

Bản kết luận số 104/KL-ĐG ngày 26/9/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Khoái Châu kết luận: Giá trị của chiếc xe mô tô biển số 89K1-047.14 tại thời điểm ngày 19/9/2019 là 8.667.000đồng. Bản kết luận định giá tài sản số 110/KL-

ĐG ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Khoái Châu kết luận: Tổng giá trị thị trường của các tài sản gồm: 01 chiếc máy xới đất mini; 01 xe ba gác kéo loại thô sơ; 02 chiếc xe rửa chõ đất; 01 cuộn dây thép gai đã cũ nặng 12kg đã qua sử dụng tại thời điểm ngày 19/9/2019 là 372.000đồng. Như vậy tổng tài sản mà P đã trộm cắp có giá trị 9.039.000đồng.

Quá trình điều tra xác định: chiếc xe mô tô biển số 89K1- 047.14 là xe thuộc sở hữu của chị Phan Thị Mai X sinh năm 1984 ( là chị vợ anh H) ở thôn 2, xã X, huyện V, tỉnh Hưng Yên, chị X cho mượn và không có nhu cầu lấy lại. Ngày 01/11/2019 Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh H toàn bộ số tài sản gồm: 01 chiếc máy xới đất mini; 01 xe ba gác kéo loại thô sơ; 02 chiếc xe rửa chõ đất; 01 cuộn dây thép gai đã cũ nặng 12kg; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn đen đỏ, biển số 89K1- 047.14.

Đối với chị Nguyễn Thị N, khi mua các tài sản của P, chị N không biết đó là tài sản do P trộm cắp, chị cũng không hứa hẹn gì với P về việc tiêu thụ số tài sản trên, do đó không có căn cứ để xử lý. Đối với người đã bán ma túy cho P do P không rõ tên, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với 02 chiếc kìm đã thu giữ trong đó 01 chiếc có chuôi tay cầm bằng cao su màu đen – cam (là công cụ P sử dụng để cắt khóa), 01 chiếc kìm có chuôi tay cầm bằng kim loại ( đã thu tại nhà P) và 01 dây khóa đã bị cắt đứt, xác định có liên quan đến hành vi phạm tội Cơ quan cảnh sát điều tra đã nhập kho vật chứng chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Anh H không có yêu cầu đề nghị gì về bồi thường; chị N yêu cầu P phải trả cho chị số tiền 1.300.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 06/CT-VKS - KC ngày 25/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố Tạ Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (BLHS năm 2015).

***Tại phiên toà hôm nay:***

[1]. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo P như tại bản cáo trạng số 06/CT-VKS - KC ngày 25/12/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo P phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đề nghị xử phạt bị cáo P từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/9/2019; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P; Về xử lý vật chứng: Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc kìm bằng kim loại đã qua sử dụng; 01 chiếc kìm bằng kim loại có chuôi bằng cao su màu đen – cam; 01 khóa dây đã bị cắt đứt, đã cũ; Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo P phải trả cho chị Nguyễn Thị N số tiền 1.300.000 đồng.

[2]. Bị cáo P nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải, và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

[3]. Người bị hại anh Đàm Văn H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị E, chị Nguyễn Thị N đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

**[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:** Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Tạ Văn P đã thừa nhận vào đêm ngày 19/9/2019, P đã lợi dụng việc người bị hại là anh Đàm Văn H có sơ hở trong việc quản lý tài sản nên đã trộm cắp tài sản của anh H để bán lấy tiền tiêu sài và sử dụng ma túy. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường, đơn trình báo của bị hại, các bản kết luận định giá tài sản, lời khai của chính bị cáo tại cơ quan điều tra; lời khai của người bị hại là anh H; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - chị E, chị N và tất cả các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 19/9/2019 tại thôn A, xã Đ, huyện K, Tạ Văn P đã có hành vi trộm cắp của anh Đàm Văn H sinh năm 1983 ở thôn 8, xã X, huyện V 01 chiếc xe mô tô biển số 89K1- 047.14; 01 chiếc máy xới đất mini; 01 xe ba gác kéo loại thô sơ; 02 chiếc xe rùa chở đất; 01 cuộn dây thép gai đã cũ nặng 12 kg có tổng giá trị là 9.039.000đồng. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Tạ Văn P theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 06/CT-VKS - KC ngày 25/12/2019 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị N, khi mua các tài sản của P, chị N không biết đó là tài sản do P trộm cắp, chị cũng không hứa hẹn gì với P về việc tiêu thụ số tài sản trên. Do vậy, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị N là có căn cứ.

Đối với người đã bán ma túy cho P do P không rõ tên, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý là đúng pháp luật.

**[3]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:** Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an và an toàn xã hội ở địa pE, bị cáo đã lợi dụng đêm khuya, anh Đàm Văn H không có nhà nên đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh H, thể hiện sự coi thường pháp luật. Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là vì vụ lợi cá nhân, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Do đó, cần phải áp dụng hình phạt thật nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống biết chấp hành và tuân thủ pháp luật.

**[4]. Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:**

**Về nhân thân:** Bị cáo là đối tượng lười lao động, ăn chơi, đua đòi dẫn đến mắc nghiện chất ma túy, đã từng 02 lần bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng sau khi chấp hành xong các bản án nêu trên bị cáo đã không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, lại tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý.

**Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

**Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải nên được áp dụng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Từ những nhận định phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy lần phạm tội này cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu P ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

**[5]. Về hình phạt bổ sung:** Xét thấy bị cáo nghiện chất ma túy lâu năm, không có công việc và thu nhập ổn định nên không áp dụng khoản 5 Điều 173 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với bị cáo.

**[6]. Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại là anh Đàm Văn H đã nhận đủ tài sản mà P trộm cắp, không có yêu cầu đề nghị bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

Đối với yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị N yêu cầu bị cáo phải trả cho chị số tiền 1.300.000đ thì thấy rằng: Giao dịch giữa chị N và bị cáo là giao dịch dân sự ngay tình nên cần buộc P phải chịu trách nhiệm trả cho chị N số tiền 1.300.000đ theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 của BLDS 2015.

**[7]. Về xử lý vật chứng:**

- Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà bị cáo 01 chiếc kim bằng kim loại đã qua sử dụng. Xét thấy đây là đồ dùng của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội NH bị cáo không có nhu cầu nhận lại. Chiếc kim này cũng đã qua sử dụng, không có giá trị nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Đối với 01 chiếc kim bằng kim loại có chuỗi bằng cao su màu đen – cam; 01 khóa dây đã bị cắt đứt là vật chứng của vụ án không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

**[8]. Về án phí:** Buộc bị cáo P phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và án phí trách nhiệm dân sự không có giá ngạch là 300.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**[9] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH;**

**Căn cứ:** khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015.

**Tuyên bố:** Bị cáo Tạ Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**Xử Phạt:** Bị cáo Tạ Văn P 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 24/9/2019.

**Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P.

**Trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc bị cáo Tạ Văn P phải trả cho chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1974; trú tại: thôn L, xã Q huyện K, tỉnh Hưng Yên số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a, c khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc kim bằng kim loại đã qua sử dụng; 01 chiếc kim bằng kim loại có chuỗi bằng cao su màu đen – cam; 01 khóa dây đã bị cắt đứt, đã cũ.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định chuyển vật chứng số 05/QĐ-VKS-KC ngày 25/12/2019 của VKSND huyện Khoái Châu).

**Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo P phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 300.000đ (án phí trách nhiệm dân sự không có giá ngạch).

**Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (17/01/2020). Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú.

**Nơi nhận**

- VKSND tỉnh HY;
- TAND tỉnh HY;
- Trại tạm giam CA tỉnh HY;
- VKSND huyện K/C;
- Chi cục THADS huyện K/C;
- UBND xã Đ;;
- Bị cáo; người bị hại; Người LQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thu Hương**